

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2020
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2020**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2019 ĐẾN 30/06/2020)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		693.855.858.868	685.661.430.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.747.214.594	13.619.980.272
1. Tiền	111		16.747.214.594	13.619.980.272
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.249.266.988	296.429.918.825
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	84.310.985.255	95.492.806.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	118.334.742.426	155.453.006.438
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	75.858.576.879	59.558.121.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(14.255.037.572)	(14.074.016.032)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		411.348.580.955	369.945.376.247
1. Hàng tồn kho	141	V.8	411.912.153.459	370.508.948.751
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(563.572.504)	(563.572.504)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.510.796.331	5.666.155.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.510.796.331	5.666.155.012
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.568.742.595.642	1.442.048.728.434
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.350.024.989	13.350.024.989
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	13.350.024.989	13.350.024.989
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.022.241.422.621	975.085.690.099
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	991.430.852.340	944.020.380.587
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.602.492.974.139	2.432.903.972.815
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.611.062.121.799)	(1.488.883.592.228)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	30.810.570.281	31.065.309.512
	<i>Nguyên giá</i>	228		41.498.657.235	41.498.657.235
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.688.086.954)	(10.433.347.723)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		244.059.479.157	156.482.008.212
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	244.059.479.157	156.482.008.212
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		254.258.143.534	261.713.373.290
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	217.408.989.928	243.368.989.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	36.500.000.000	36.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	5.251.145.800	15.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(34.901.992.194)	(33.406.762.438)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		34.833.525.341	35.417.631.844
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	34.833.525.341	35.417.631.844
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.262.598.454.510	2.127.710.158.790

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		752.276.529.367	633.462.180.583
I. Nợ ngắn hạn		310		692.014.428.624	573.794.561.570
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.19	126.039.680.616	60.341.468.105
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.20	43.264.690.357	5.982.248.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.21	7.665.737.302	14.134.029.382
4. Phải trả người lao động		314		10.578.478.809	9.622.518.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.22	31.854.913.942	6.801.848.079
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.23	11.417.068.147	12.332.384.234
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.24	429.862.479.863	433.390.212.075
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.25	31.331.379.588	31.189.852.613
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		60.262.100.743	59.667.619.013
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		11.523.260.093	9.288.905.093
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.26	2.000.000.000	1.916.641.667
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342	V.28	-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	V.27	46.738.840.650	48.462.072.253

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.510.321.925.143	1.494.247.978.207
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.480.461.299.080	1.467.247.172.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.29	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.29	(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.29	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.29	577.724.410.652	575.358.962.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.29	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.432.167.644	44.583.488.964
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.29	39.836.981.526	20.929.010.535
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.595.186.119	23.654.478.429
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		29.860.626.063	27.000.805.650
1. Nguồn kinh phí	431	V.30	6.415.781.000	1.594.781.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.31	23.444.845.063	25.406.024.650
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.262.598.454.510	2.127.710.158.790

Lập ngày 29 tháng 09 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III - Niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

Lũy kế từ 01/07-31/03

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III		Năm trước	Năm nay	Năm trước
		Thuyết minh	Năm nay			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	459.437.807.012	258.855.641.792	1.089.688.312.434	848.649.509.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10	VI.1	459.437.807.012	258.855.641.792	1.089.688.312.434	848.649.509.705
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	431.145.255.620	229.476.608.736	992.465.432.710	757.868.961.163
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		28.292.551.392	29.379.033.056	97.222.879.724	90.780.548.542
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	815.626.981	540.708.399	2.089.614.485	1.142.718.420
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.851.915.906	9.012.288.038	27.107.630.940	37.634.002.428
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.353.850.636	8.759.271.038	21.671.934.370	31.866.522.529
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.702.536.266	9.477.518.267	23.492.969.777	21.032.673.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.096.267.890	8.862.176.580	28.389.909.290	24.083.556.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.457.458.311	2.567.758.570	20.321.984.202	9.173.033.771
11. Thu nhập khác	31	VI.7	10.318.920	260.128.056	58.615.417	557.258.209
12. Chi phí khác	32	VI.8	(85.899.355)	35.991.615	1.504.240.609	2.742.604.745
13. Lợi nhuận khác	40		96.218.275	224.136.441	(1.445.625.192)	(2.185.346.536)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.553.676.586	2.791.895.011	18.876.359.010	6.987.687.235
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	V.24	683.051.488	384.091.913	3.281.172.891	1.239.029.217
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.870.625.098	2.407.803.098	15.595.186.119	5.748.658.018

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 29 tháng 07 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 1/7/2019 đến 31/3/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.876.359.010	6.987.687.234
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		122.944.822.088	106.843.639.531
- Các khoản dự phòng	03		1.676.251.296	5.412.396.800
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	(31.534.234)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.000.000.000	(732.777.351)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.671.934.370	31.852.389.972
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		168.169.366.764	150.331.801.952
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(129.629.371.027)	375.833.687.226
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.403.204.708)	(239.802.016.259)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		121.940.258.114	19.184.563.133
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.739.465.184	(4.019.152.920)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21.552.664.872)	(31.953.352.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(1.502.560.633)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.979.588.204	2.149.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.489.794.102)	(5.781.122.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.753.643.557	264.440.847.535
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(93.098.677.023)	(74.883.666.696)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		25.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	-	1.093.419.870
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.098.677.023)	(73.790.246.826)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		555.425.118.286	833.550.797.998
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(558.952.850.498)	(1.025.987.793.659)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(3.527.732.212)</u>	<u>(192.436.995.661)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.127.234.322	(1.786.394.952)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.619.980.272	9.925.207.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>16.747.214.594</u>	<u>8.138.812.375</u>

Lập ngày 29 tháng 09 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 tức là Quý III của Niên độ tài chính từ 1/1/2020 đến 31/3/2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến 31/03/2020, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	125.991.581	128.878.355
Tiền gửi ngân hàng	16.621.223.013	13.491.101.917
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>16.747.214.594</u>	<u>13.619.980.272</u>

V.2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

V.3. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

V.4. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	30.406.157.775	69.782.947.500
Các khoản phải thu khách hàng khác	43.880.797.076	16.439.641.327
Phải thu từ các bên liên quan	10.024.030.404	8.423.524.821
Cộng	<u>84.310.985.255</u>	<u>94.646.113.648</u>

V.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán	96.461.027.939	139.719.083.106
<i>Czarnikow Group Limited</i>	3.159.380.550	-
<i>SIG Comibloc Limited</i>	11.400.514.282	-
<i>Guangxi Laibin Pinguan Trade Group Co., LTD</i>	15.346.623.175	-
<i>JEB AGRITRADE PTE LTD</i>	12.642.665.350	-
<i>E D & F Man Sugar Limited (Singapore Branch)</i>	6.506.000.400	-
Trả trước cho người bán khác	47.405.844.182	15.733.923.332
Cộng	<u>118.334.742.426</u>	<u>155.453.006.438</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay không tính lãi	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu về tiền lãi dự thu	-	-
<i>Công ty TNHH TT NC & PT Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	19.023.512.547	17.671.743.386
<i>Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn</i>	12.194.003.314	11.083.066.557
Phải thu tiền vay của CBCNV	15.683.584.964	16.593.897.863
Phải thu tiền thuế TNCN của CBCNV	301.007.914	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	2.583.790.670	3.573.880.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.075.880	56.952.000
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	7.960.000.000	-
Các khoản phải thu khác	9.551.541.284	2.074.521.659
Cộng	<u>75.858.576.879</u>	<u>59.558.121.771</u>

V.7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	14.074.016.032	13.621.462.182
Dự phòng trích lập trong năm	181.021.540	452.553.850
Số cuối năm	<u>14.255.037.572</u>	<u>14.074.016.032</u>

V.8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	20.518.021.050	17.264.823.168
Công cụ, dụng cụ	726.264.027	694.342.972
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.789.793.776	10.155.501.637
Thành phẩm	334.489.148.742	320.302.305.255
Hàng hóa	40.388.925.834	22.091.975.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(563.572.504)	(563.572.504)
Cộng	<u>411.348.580.925</u>	<u>369.945.376.247</u>

V.9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ nông dân vụ 2019/2020	-	4.781.328.308
Chi phí khác	1.510.796.331	884.826.704
Cộng	<u>1.510.796.331</u>	<u>5.666.155.012</u>

V.10. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	13.350.024.989	13.350.024.989
Cộng	<u>13.350.024.989</u>	<u>13.350.024.989</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	491.489.809.991	1.868.566.005.245	51.821.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.432.903.972.815
Tăng trong kỳ	12.518.017.903	157.070.983.421	-	-	-	169.589.001.324
Mua sắm mới	-	157.070.983.421	-	-	-	157.070.983.421
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.518.017.903	-	-	-	-	12.518.017.903
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	504.007.827.894	2.025.636.988.666	51.821.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.602.492.974.139
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	257.219.896.760	1.165.123.101.943	46.121.324.650	20.043.393.849	375.875.026	1.448.883.592.228
Tăng trong kỳ	14.356.281.459	106.418.488.385	1.271.607.737	120.874.000	11.277.990	122.178.529.571
Khấu hao trong kỳ	14.356.281.459	106.418.488.385	1.271.607.737	120.874.000	11.277.990	122.178.529.571
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	271.576.178.219	1.271.541.590.328	47.392.932.387	20.164.267.849	387.153.016	1.611.062.121.799
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	234.269.913.231	703.442.903.302	5.699.676.193	450.372.889	157.514.972	944.020.380.587
Số cuối kỳ	232.431.649.675	754.095.398.338	4.428.068.456	329.498.889	146.236.982	991.430.852.340

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.277.028.000	9.156.319.723	10.433.347.723
Tăng trong kỳ do khấu hao	214.149.231	40.590.000	254.739.231
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	1.491.177.231	9.196.909.723	10.688.086.954
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.918.549.517	146.759.995	31.065.309.512
Số cuối kỳ	30.704.400.286	106.169.995	30.810.570.281

V.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	132.739.260.345	99.797.693.506
Dự án nhà máy chế biến sữa gạo	28.837.012.232	-
Dự án Trầm Hương	8.542.424.462	8.325.864.612
Dự án khác	43.574.448.914	17.992.116.890
Cộng	244.059.479.157	156.482.008.212

V.14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	217.408.989.928	243.368.989.928
Cộng	217.408.989.928	243.368.989.928

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/12/2018	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP ĐTPT L.Sơn - N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam - T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				36.500.000.000

V.16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.251.145.800		15.251.145.800
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn		-	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
+ Tổng Công ty mía đường I - Công ty CP		2.974.645.800		2.974.645.800
Cộng		5.251.145.800		15.251.145.800

V.17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(13,805,788,933)	(12.310.559.177)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(21.096.203.261)	(21.096.203.261)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	(34.901.992.194)	(33.406.762.438)

V.18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.417.631.844	-	584.106.503	34.833.525.341
Cộng	35.417.631.844	-	584.106.503	34.833.525.341

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.19. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP xây dựng giao thông Toàn Thắng	3.103.582.787	28.263.849
HEBEI MINTZ MACHINETECH CO.,LTD	2.022.284.270	2.233.776.620
Công ty TNHH Tân An	1.574.067.025	448.092.225
Phải trả người bán khác	55.852.627.585	53.939.578.173
Phải trả cho các bên liên quan	63.487.118.949	6.401.889.932
Cộng	<u>126.039.680.616</u>	<u>60.341.468.105</u>

V.20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc	11.950.270.097	4.171.877.178
Công ty TNHH Đức Thành	2.379.343.000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	10.306.507.260	1.587.483.121
Bên liên quan trả tiền trước	18.628.570.000	222.888.000
Cộng	<u>43.264.690.357</u>	<u>5.982.248.299</u>

V.21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.449.677.734	7.936.396.830
Thuế TNDN	3,182,529,183	4.749.377.605
Thuế TNCN	33.530.385	1.399.058.133
Thuế khác	-	49.196.814
Cộng	<u>7.665.737.302</u>	<u>14.134.029.382</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn, điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý III năm 2019/2020:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.553.676.586
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.553.676.586
Thuế TNDN hiện hành	683.051.488

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.870.625.098

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

V.22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển	11.053.309.402	-
Chi phí phải trả về dịch vụ tìm kiếm khách hàng	6.855.793.295	2.809.911.902
Chi phí phải trả khác	13.945.811.245	3.991.936.177
Cộng	31.854.913.942	6.801.848.079

V.23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	3.554.345.984	1.333.914.433
Kinh phí công đoàn	1.722.692.946	1.993.515.942
Hoàn ứng	834.042.725	786.452.837
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	-	2.234.355.000
Các khoản phải trả khác	5.305.986.492	5.984.146.022
Cộng	11.417.068.147	12.332.384.234

V.24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	-	2.000.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	426.987.484.030	427.556.878.743
Vay dài hạn đến hạn trả	2.874.995.833	3.833.333.333
Cộng	429.862.479.863	433.390.212.075

V.25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	30.860.005.163	30.717.175.134
Quỹ phúc lợi	471.374.425	472.677.479
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
Cộng	31.331.379.588	31.189.852.613

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V.26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	2.000.000.000	1.916.641.667
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>1.916.641.667</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay Ngân hàng ACB	1.916.641.667	-	1.916.641.667	-
Vay đối tượng khác	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	<u>1.916.641.667</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>1.916.641.667</u>	<u>2.000.000.000</u>

V.27. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	46.738.840.650	48.462.072.253
Cộng	<u>46.738.840.650</u>	<u>48.462.072.253</u>

V.28. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V.29. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	572.501.336.375	73.541.322.153	1.493.347.379.312
Tăng vốn trong năm			-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm					23.654.478.429	23.654.478.429
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.857.626.434)	(2.857.626.434)
Trích lập các quỹ				2.857.626.434	(2.857.626.434)	-
Chia cổ tức năm nay					(46.896.465.000)	(46.896.465.000)
Các khoản khác					(593.750)	(593.750)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Tăng vốn trong năm						
Lợi nhuận trong năm trước						
Lợi nhuận các năm nay					15.595.186.118	15.595.186.118
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				2.365.447.843	(2.365.447.843)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.365.447.843)	(2.365.447.843)
Chia cổ tức năm trước						
Chia cổ tức năm nay						
Các khoản khác					(15.611.751)	(15.611.751)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	55.432.167.645	1.480.461.299.081

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II kết thúc ngày 31/12/2019 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>66.994.950</i>	<i>66.994.950</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

V.30. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	1.594.781.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	15.801.743.000
Chi sự nghiệp	(9.385.962.000)
Số cuối kỳ	<u>6.415.781.000</u>

V.31. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	25.406.024.650
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(1.961.179.587)
Số cuối kỳ	<u>23.860.626.63</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM TÀI CHÍNH 2019/2020:****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	459.437.807.012	258.855.641.792
Doanh thu bán hàng hóa	3.951.450.464	25.083.402.738
Doanh thu bán thành phẩm	455.485.657.548	233.772.239.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	699.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	-	-
Doanh thu thuần	459.437.807.012	258.855.641.792
Doanh thu bán hàng hóa	3.951.450.464	25.083.402.738
Doanh thu bán thành phẩm	455.485.657.548	233.772.239.054
Doanh thu cung cấp dịch vụ	699.000	-

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.951.450.461	23.829.232.601
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	427.193.805.159	205.647.376.135
Giá vốn của hàng bán khác	-	-
Dự phòng giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	431.145.255.620	229.476.608.736

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	17.571.718	522.944.083
Lãi tiền cho vay	130.224.950	12.989.876
Lãi chênh lệch tỷ hối đoái	53.580.313	4.774.440
Lãi đầu tư trái phiếu	614.250.000	-
Cộng	815.626.981	540.708.399

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.353.850.636	8.759.271.038
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗi tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	448.636.372	-
Chiết khấu thanh toán	11.512.231	189.900.000
Lỗi các khoản đầu tư khác	-	-
Chi phí khác	37.916.667	63.117.000
Cộng	7.851.915.906	9.012.288.038

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.657.071.325	1.553.917.251
Chi phí vật liệu, bao bì	612.753.620	65.543.639
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	64.982.521	130.726.703
Chi phí khấu hao TSCĐ	582.611.586	606.727.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	152.718.000	1.336.095.740
Chi phí bằng tiền khác	4.632.399.214	5.784.507.041
Cộng	7.702.536.266	9.477.518.267

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.979.378.323	2.695.509.104
Chi phí vật liệu quản lý	9.660.000	28.089.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	382.456.102	327.990.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.220.833.096	1.175.435.977
Thuế, phí và lệ phí	23.912.455	76.883.800
Chi phí dự phòng, trợ cấp	130.490.000	-
Chi phí quản lý bằng tiền khác	4.349.537.914	5.173.609.446
Cộng	9.096.267.890	9.477.518.267

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	10.318.920	260.128.056
Cộng	10.318.920	260.128.056

8. Chi phí khác

	Giai đoạn 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	(85.899.355)	35.991.615
Cộng	(85.899.355)	35.991.615

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý III/2019-2020	3.870.625.098
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	178

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/3/2020	01/07/2019
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	30,7	32,23
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	69,3	67,77
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,2	29,77
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,8	70,23
Khả năng thanh toán		31/3/2020	01/07/2019
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,01	3,36
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,92	1,19
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,02
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 31/03:		Năm nay	Năm trước
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,73	0,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,43	0,68
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,73	0,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,43	0,68
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,83	0,12
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,69	0,25
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	1,03	0,38

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/03/2020, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 459.437.807.012 đồng trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 455.485.657.548 đồng chiếm tỷ trọng 99,1% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 0,86 %. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng 0,86 % tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Theo khu vực địa lý:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ từ 01/1/2020 - 31/3/2020, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
Giao dịch mua hàng		
Công ty TNHH TMXNK Lam Sơn	Công ty con	36.733.599.708
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	5.710.314.286
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	160.706.449
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	188.201.340
Giao dịch bán hàng		
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	28.491.106.262
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	230.000.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	27.852.866.563

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	12.147.870.089	4.854.503.782
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	-	13.884.076.171
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	33.905.139.429	4.188.226.045
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	12.147.870.089	-
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	14.494.063.709	1.712.366.600
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	12.194.003.314	11.083.066.557
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	19.023.512.547	17.671.743.386
Phải thu dài hạn khác			
Công ty NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	13.350.024.989	13.350.024.989
Phải trả dài hạn khác			
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	2.234.355.000	-

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2020) đạt 3.870.625.098 đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2018/2019 (Giai đoạn từ Từ 01/07/2018 - 31/03/2019).

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	459.437.807.012	258.855.641.792	77,49
2	Giá vốn hàng bán	431.145.255.620	229.476.608.736	87,88
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.292.551.392	29.379.033.056	-3,7
4	Doanh thu hoạt động tài chính	815.626.981	540.708.399	50,84
5	Chi phí bán hàng	7.702.536.266	9.477.518.267	-18,73
6	Thu nhập khác	10.318.920	260.128.056	-96,03
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.553.676.586	2.791.895.011	63,10

Nguyên nhân :

Lợi nhuận sau thuế Quý III kết thúc ngày 31/3/2020 (Giai đoạn từ ngày 1/1/2020 đến 31/3/2020) đạt 4.553 triệu đồng, tăng hơn 63% so với cùng kỳ năm 2018/2019 (Giai đoạn từ ngày 1/1/2019 đến 31/3/2019), là do các nguyên nhân sau:

Doanh thu và giá vốn Quý III đều tăng hơn 77% so với cùng kỳ năm trước.

Dù tỷ lệ giá vốn trên doanh thu của quý III năm nay cao hơn so với quý III năm trước. Nhưng Doanh thu từ hoạt động tài chính cũng tăng hơn 50% và chi phí bán hàng giảm 18% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân